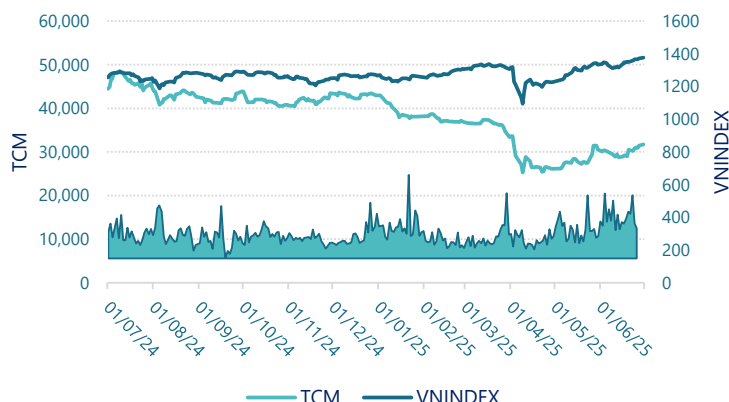


CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (HSX: TCM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	31,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	48,316
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,273
SL cổ phiếu LH	112,038,755
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,081,860
% sở hữu nước ngoài	49.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,552
P/E	11.8
EPS	2,693

DT thuần

Q2/25

873

tỷ VNĐ

QoQ: ▼138| -13.7%

YoY: ▲ 26.0| 3.1%

LN sau thuế

Q2/25

82.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.40| 4.3%

YoY: ▲ 9.70| 13.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

13.2%

+/- YoY: ▲ 1.8%

DT thuần

6T 2025

1,884

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 103| 5.8%

LN sau thuế

6T 2025

161

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 26.0| 19.0%

ROE

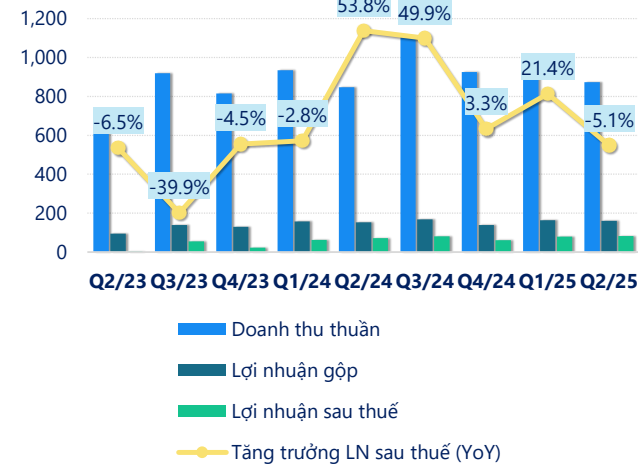
Q2/25

13.5%

+/- YoY: ▲ 3.2%

tỷ VNĐ

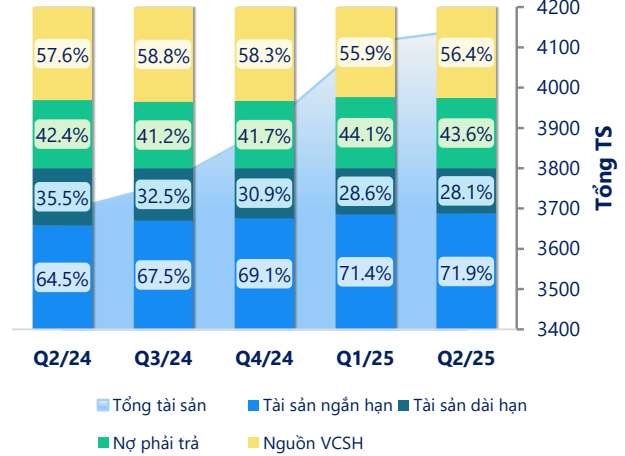
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

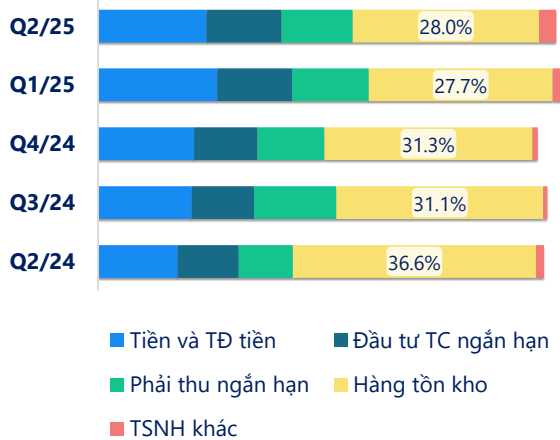
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



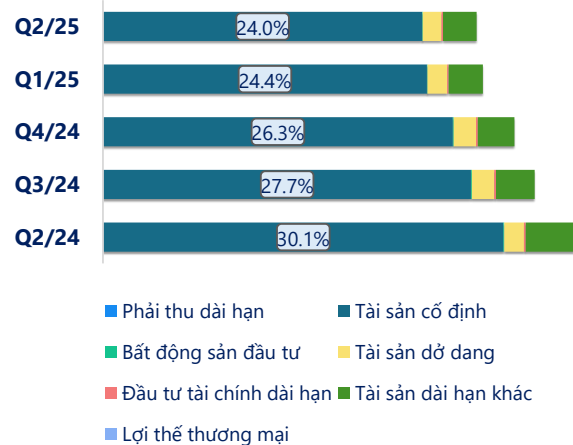
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

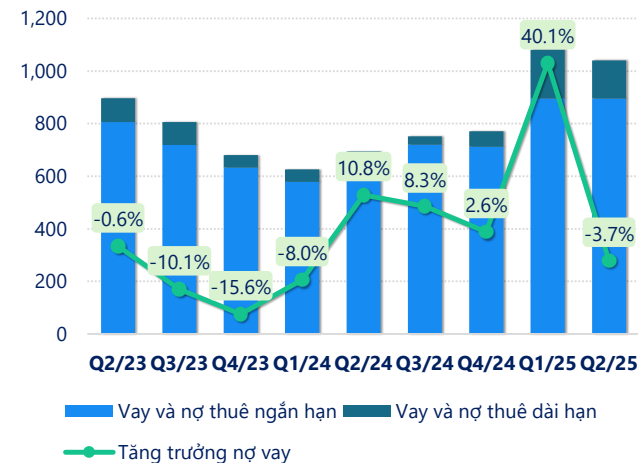
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

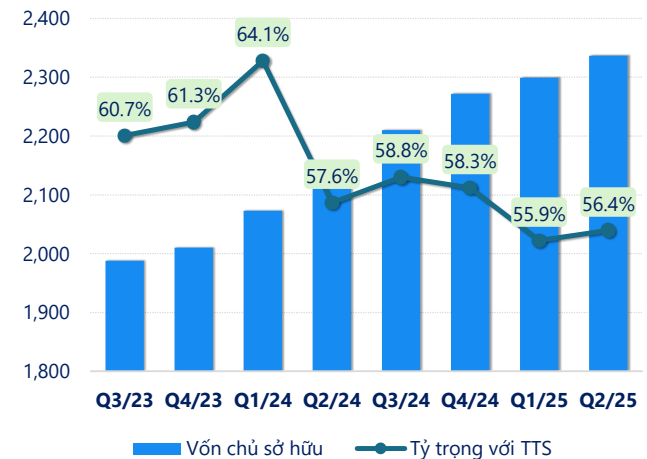
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

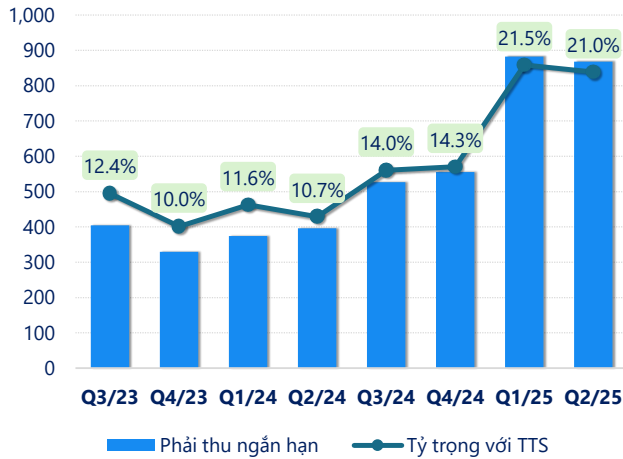
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



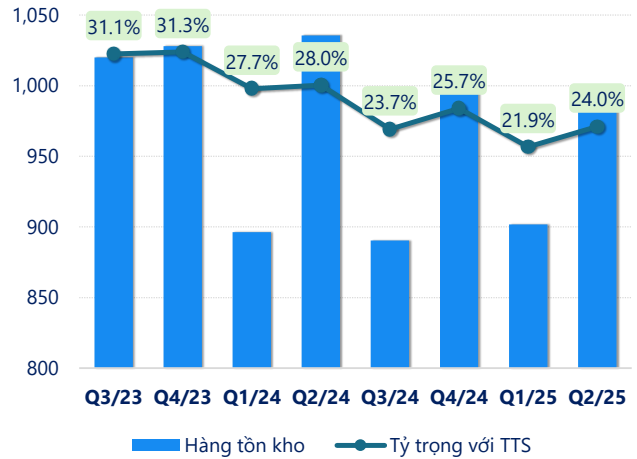
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


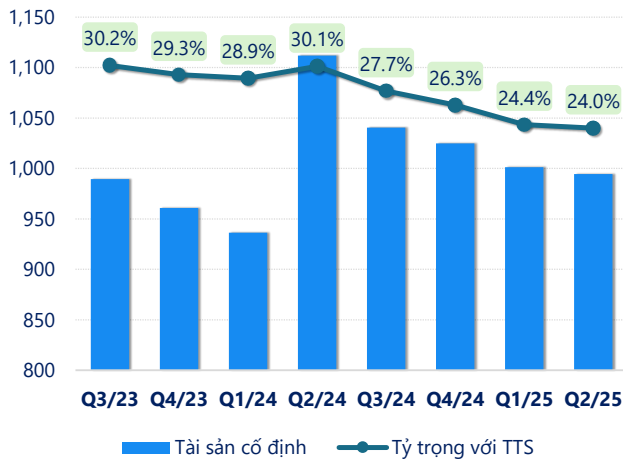
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


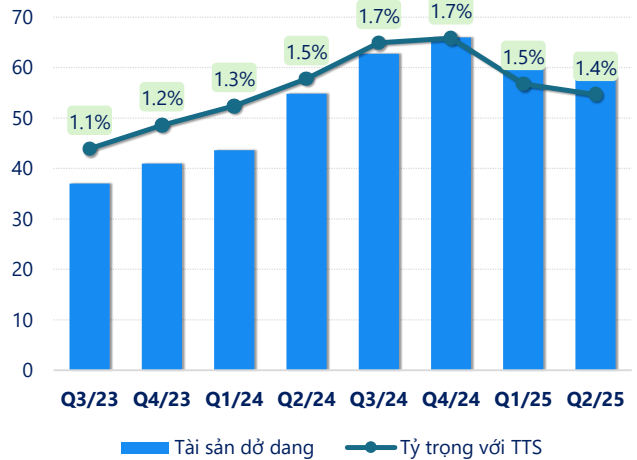
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

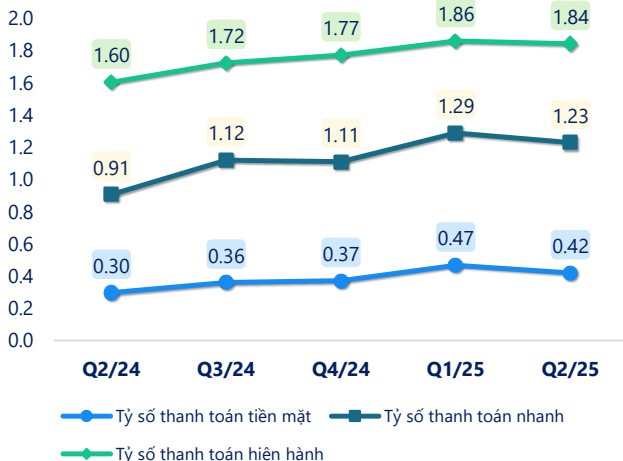
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

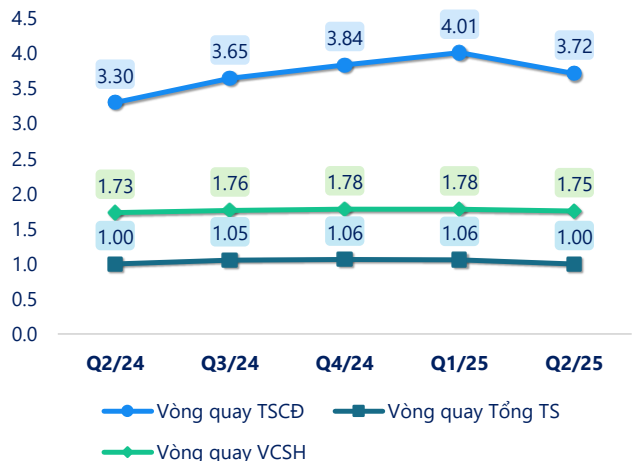
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	3,692	3,759	3,896	4,111	4,144
Tài sản ngắn hạn	2,383	2,539	2,690	2,936	2,979
Tiền và tương đương tiền	442	530	563	737	677
Đầu tư tài chính ngắn hạn	415	532	533	373	375
Phải thu ngắn hạn	396	526	556	882	868
Hàng tồn kho	1,036	890	1,003	902	993
Tài sản ngắn hạn khác	94.4	61.0	35.2	41.8	65.7
Tài sản dài hạn	1,309	1,220	1,205	1,175	1,164
Phải thu dài hạn	0.50	0.54	0.36	0.38	0.48
Tài sản cố định	1,112	1,040	1,025	1,001	994
Bất động sản đầu tư	2.35	2.33	2.31	2.30	2.28
Tài sản dở dang	54.8	62.8	65.9	60.0	58.2
Đầu tư tài chính dài hạn	4.80	4.80	4.81	4.81	4.81
Tài sản dài hạn khác	135	109	107	106	104
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,564	1,549	1,624	1,812	1,807
Nợ ngắn hạn	1,486	1,472	1,518	1,578	1,617
Vay và nợ thuê ngắn hạn	662	719	712	896	895
Phải trả người bán ngắn hạn	550	451	479	371	406
Nợ dài hạn	77.7	76.8	106	233	190
Vay và nợ thuê dài hạn	32.0	32.0	59.6	185	145
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,129	2,210	2,272	2,299	2,336
Vốn chủ sở hữu	2,129	2,210	2,272	2,299	2,336
Vốn điều lệ	1,020	1,020	1,020	1,020	1,121
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)